

Bản án số: **94/2024/HS-ST**
Ngày: 19-11-2024

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**

Các Hội thẩm N dân: Ông **Đặng Khải**

Ông **Trương Tha**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** - Thư ký Tòa án N dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Bảo Nhật**

Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án N dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 138/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Long N – Sinh ngày 28 tháng 11 năm 1993 tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc L (sinh năm 1971) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1973); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/11/2024 của Tòa án N dân thị xã N cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông **Nguyễn Ngọc H** – Sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông **Huỳnh Quốc D** – Sinh năm 2002

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

1/ Ông **Nguyễn Ngọc B** – Sinh năm 1996. Vắng mặt.

2/ Bà **Mai Thị Thanh T** – Sinh năm 1980. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 11 tháng 4 năm 2024, Nguyễn Long N đi xe ôm đến nhà chú ruột là ông Nguyễn Ngọc H ở thôn N, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa chơi. N vào nhà thấy 01 xe mô tô biển số 79H1-998.54 có gắn sẵn chìa khóa của ông H dựng ở hành lang trong nhà thì nảy sinh ý định trộm cắp. Ông H đang nấu ăn ở nhà bếp nên chưa biết N đến. N lén lút dắt xe ra nổ máy điều khiển đến nhà ông Nguyễn Ngọc B ở thôn T, xã Q, thị xã N để nhờ tìm chỗ cầm thế xe mô tô mà không nói nguồn gốc xe. B dẫn N đến cửa hàng sửa xe mô tô của ông Huỳnh Quốc D ở tổ dân phố T, phường H, thị xã N thì gặp mẹ của ông D là bà Mai Thị Thanh T nói xe mô tô biển số 79H1-998.54 là của N, đưa giấy đăng ký xe mô tô và cầm thế lấy 13.000.000 đồng. N dùng số tiền tiêu xài cá N hết.

Đến khoảng 08 giờ ngày 14 tháng 4 năm 2024, N đến nhà B đưa giấy căn cước công dân và nhờ B bán xe mô tô biển số 79H1-998.54. B đồng ý đến gặp ông Huỳnh Quốc D giao dịch bán xe mô tô trên với giá 18.200.000 đồng. B cho lại ông D 100.000 đồng, còn 18.100.000 đồng. Sau khi trừ số tiền 13.000.000 đồng đã cầm thế xe, ông D chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của B số tiền 3.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản của N số tiền 2.800.000 đồng; B chuyển lại cho ông D số tiền 700.000 đồng và chuyển hết số tiền đã nhận cho N thì được N cho lại 600.000 đồng.

Sau khi Nguyễn Ngọc B về, ông D mở cốp xe mô tô phát hiện bên trong có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 giấy chứng nhận tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Niềm; 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Ngọc H thì gọi điện báo cho ông B đến lấy về trả cho N. Về nhà, B nghĩ ngờ xe mô tô là do phạm tội mà có nên đến trình báo công an và giao nộp số tiền 600.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐGTS ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, màu sơn: Trắng, nâu đen, biển số 79H1-998.54, số khung: RLHJC7658MY033861, số máy: JC90E0141704 có giá trị là 24.708.900 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 101/CT-VKS-HS ngày 06/11/2024 của Viện kiểm sát N dân thị xã N đã truy tố bị cáo Nguyễn Long N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng vì đại diện Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát.

- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát.

- Vị đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã N vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Long N và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Long N từ 12 đến 15 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Ông Huỳnh Quốc D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 19.200.000 đồng. Bị cáo đồng ý mức bồi thường nên đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện bồi thường 9.200.000 đồng nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 10.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 600.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 4033340 ngày 07/6/2024 do Công an thị xã N nộp vào tài khoản của Kho bạc nhà nước N.

Bị cáo nói lời sau cùng: *“Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình”.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do, nhưng lời khai của họ đã được thể hiện tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã N, Điều tra viên; Viện kiểm sát N dân thị xã N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Long N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, không oan cho bị cáo. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại thôn N, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, Nguyễn Long N đã có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô biển số 79H1-998.54 của ông Nguyễn Ngọc H trị giá 24.708.900 đồng. N nhờ Nguyễn

Ngọc B mang xe đi cầm đến ngày 14/4/2024, N nhờ B bán lấy tiền tiêu xài cá N. Nghi ngờ tài sản do phạm tội mà có nên B đến trình báo công an sự việc.

Như vậy, khẳng định cáo trạng số 101/CT-VKS-HS ngày 06/11/2024 của Viện kiểm sát N dân thị xã N đã truy tố bị cáo Nguyễn Long N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Nguyễn Long N là người thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo có sức khỏe nhưng lười lao động, thích hưởng thụ bằng tài sản, công sức của người khác nên đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô của bị hại là chú ruột. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng pháp luật, mức hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Ngọc H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Huỳnh Quốc D yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 19.200.000 đồng bao gồm tiền mua xe mô tô là 18.100.000 đồng và tiền sửa chữa xe là 1.100.000 đồng. Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ông Huỳnh Quốc D số tiền 9.200.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của ông D là chính đáng và bị cáo tự nguyện bồi thường là phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền 19.200.000

đồng. Bị cáo đã bồi thường số tiền 9.200.000 đồng nên cần bồi thường tiếp số tiền 10.000.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

Số tiền 600.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[9] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Long N phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Vấn đề khác:

Đối với bà Mai Thị Thanh T có hành vi nhận cầm thế xe mô tô biển số 79H1-998.54; ông Huỳnh Quốc D mua xe mô tô biển số 79H1-998.54; ông Nguyễn Ngọc B giúp đỡ bị cáo cầm thế và bán xe nhưng không biết tài sản là do trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Điều 106, 136, 293, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Long N **01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án về việc bồi thường số tiền 19.200.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Long N có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Huỳnh Quốc D số tiền 19.200.000 đồng (*Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng*). Bị cáo Nguyễn Long N đã bồi thường số tiền 9.200.000 đồng nên buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho ông Huỳnh Quốc D số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Quy định chung:

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 4033340 ngày 07/6/2024 do Công an thị xã N nộp vào tài khoản của Kho bạc nhà nước N.

4. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Long N phải nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án N dân Tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Công an thị xã N;
- Thi hành án Hình sự thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Huỳnh Tường Viên